

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-08-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Kim Luyến;

Ông Nguyễn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Quốc Th, sinh năm: 1971 (có đơn xin vắng).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1971 (có đơn xin vắng).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 8 năm 2022, nguyên đơn ông Trần Quốc Th trình bày yêu cầu:

Năm 1990, ông Trần Quốc Th và bà Nguyễn Thị T kết hôn, ông bà có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu thì sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và ông bà sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Do không hàn gắn được nên ông Th yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Thùy Tr, sinh năm 1992 và Trần Quốc D, sinh năm 2002. Do các con ông bà đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ thu, nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản nêu ý kiến ngày 08 tháng 8 năm 2022, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày ý kiến:

Về hôn nhân: Năm 1990 bà và ông Th tự nguyện kết hôn, có làm đám cưới theo phong tục truyền thống, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng về sau xảy ra mâu thuẫn, việc ông Th nộp đơn ly hôn bà đồng ý.

Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Thùy Tr, sinh năm 1992 và Trần Quốc D, sinh năm 2002, con đã lớn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Trần Quốc Th, bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Quốc Th và bị đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quốc Th và bà Nguyễn Thị T cưới nhau năm 1990, đến nay ông bà chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống với nhau ông bà có những bất hòa không tự hàn gắn được, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, dẫn đến mất hạnh phúc, ông bà sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay cũng không giải quyết được mâu thuẫn, ông Th yêu cầu ly hôn bà T đồng ý.

Thấy rằng, ông Th và bà T chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của ông Th và bà T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác nhận có 02 người con chung hiện nay đã trưởng thành, các đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch nguyên đơn phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Quốc Th và bà Nguyễn Thị T.

Về con chung, tài sản chung và nợ thu nợ trả: Hai đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0015696 ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, án phí hôn nhân nguyên đơn đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính